

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC THỌ
TỈNH HÀ TĨNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19/7/2023

V/v Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC THỌ - TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Trọng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Chương và Ông Đoàn Xuân Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ tham gia phiên tòa: Ông Lê Hồng Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2023/TLST-HNGĐ ngày 18/4/2023, tranh chấp về “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 28/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2023/QĐST - HNGĐ ngày 13/7/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L; sinh năm 1990; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Số nhà 64, đường La Giang, tổ dân phố 5, thị trấn ĐT, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

Bị đơn: Anh Bùi Ngọc T; sinh năm 1971; nơi ĐKNKTT: Số nhà 64, đường La Giang, tổ dân phố 5, thị trấn ĐT, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; hiện làm việc và đang sinh sống tại: Công ty cổ phần NN - Số 468 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, văn bản ghi lời khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L kết hôn với anh Bùi Ngọc T trên cơ sở tình yêu tự nguyện, không bị ai lừa dối hay ép buộc, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/4/2012 tại UBND xã TY, huyện TC, tỉnh Nghệ An. Sau kết hôn vợ chồng

về chung sống tại tổ dân phố 5, thị trấn ĐT, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do tính cách không hòa hợp, không cùng quan điểm sống, vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả mà những bất đồng ngày càng sâu sắc hơn dẫn đến sống ly thân nhau từ năm 2016 đến nay. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có hai con chung là Bùi Hoàng L, sinh ngày 28/9/2012 và Bùi Ngọc Quỳnh Ch, sinh ngày 23/02/2014. Nếu ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Bùi Ngọc T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu giải quyết.

2. Đối với bị đơn anh Bùi Ngọc T:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ đã thực hiện các thủ tục tố tụng đối với anh Bùi Ngọc T nhưng anh T không có mặt tại địa phương nên Tòa án đã yêu cầu chị L cung cấp địa chỉ mới của anh T; chị L cung cấp địa chỉ làm việc và sinh sống của anh T tại Công ty cổ phần NN – số 468 Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 26/4/2023 Tòa án huyện Đức Thọ ra Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 01/2023/QĐ-UTTA cho Tòa án nhân dân Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh; ngày 12/6/2023 Tòa án nhân dân Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh trả lời kết quả ủy thác với nội dung: Ngày 17/5/2023 Tòa án nhân dân Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập mời anh Bùi Ngọc T lên Tòa án ghi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên anh T không có mặt tại Tòa án vào ngày được triệu tập nên Tòa án nhân dân Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh không thể thực hiện được việc lấy lời khai của anh Bùi Ngọc T theo Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ của Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh được. Sau đó Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng để làm việc với anh T nhưng anh T đều không có mặt để làm việc theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm đề nghị:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn cơ bản đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng pháp luật. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Bùi Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vắng mặt không có lý do là không chấp hành nghiêm túc quy định pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Bùi Ngọc T.

Về con chung và cấp dưỡng: Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Bùi Hoàng L, sinh ngày 28/9/2012 và Bùi Ngọc Quỳnh Ch, sinh ngày: 23/02/2014 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Bùi Ngọc T cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp về “Hôn nhân và gia đình” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữa chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Ngọc T đều có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 5, thị trấn ĐT, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác, nhưng anh Bùi Ngọc T không có mặt tại Tòa án gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Ngày 13 tháng 07 năm 2023 Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất, bị đơn anh Bùi Ngọc T vắng mặt nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay anh Bùi Ngọc T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh Bùi Ngọc T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Ngọc T kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 09/4/2012 tại UBND xã TY, huyện TC, tỉnh Nghệ An. Điều đó phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn của chị L anh T được chị L giao nộp tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của chị L anh T là hợp pháp.

Theo chị L trình bày vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do tính cách và quan điểm về mọi vấn đề trong cuộc sống của vợ chồng không hợp nhau và những bất đồng ngày càng sâu sắc hơn dẫn đến sống ly thân nhau từ năm 2016 đến nay, mỗi người tự lo cuộc sống

riêng mà không có sự liên lạc, quan tâm nhau. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án anh Bùi Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T để tham gia các buổi làm việc, phiên tòa nhưng anh T đều vắng mặt, chứng tỏ anh T không quan tâm đến việc Tòa án sẽ giải quyết vụ án như thế nào, có cần tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân của vợ chồng nữa hay không. Điều đó chứng tỏ rằng tình trạng hôn nhân vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Bùi Ngọc T theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung tên là Bùi Hoàng L, sinh ngày 28/9/2012 và Bùi Ngọc Quỳnh Ch, sinh ngày 23/02/2014. Từ thời điểm vợ chồng sống ly thân đến nay cháu L và cháu Ch ở cùng với chị L tại tổ dân phố 5, thị trấn ĐT, huyện ĐT. Chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L và cháu Ch đảm bảo điều kiện sống và học tập cho các cháu phát triển bình thường. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án cháu L và cháu Ch có nguyện vọng sau khi bố mẹ ly hôn các cháu ở cùng mẹ. Mặt khác chị L cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, còn anh Bùi Ngọc T vắng mặt và cũng không có ý kiến gì. Để đảm bảo cuộc sống và tâm lý ổn định cho các cháu, cần giao cháu L và cháu Ch cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là có cơ sở theo khoản Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu anh Bùi Ngọc T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Ngọc T có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Bùi Ngọc T.

2. Giao con chung Bùi Hoàng L, sinh ngày 28/9/2012 và Bùi Ngọc Quỳnh Ch, sinh ngày 23/02/2014 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Bùi Ngọc T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở.

3. Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị L đã nộp đủ theo Biên lai thu tiền số 0013176 ngày 18/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

4. Chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/7/2023. Anh Bùi Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKS huyện Đức Thọ;
- VKS tỉnh Hà Tĩnh;
- Tòa án tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- THADS huyện Đức Thọ;
- UBND xã Thanh Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn thư

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huy Trọng